TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**
Thời gian đào tạo: **4 năm**
Văn bằng: **Cử nhân**
Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**
Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70107	Hiểu biết về DNTU*	1	15	15	0

TN70020	Nhập môn AI*	1	15	15	0
TA70101	Nhập môn ngành Ngôn Ngữ Anh	1	15	15	0
TA70103	Listening - Speaking 1	3	45	45	0
TA70109	Reading - Writing 1	3	45	45	0
TA70125	English Grammar	2	30	30	0
TA70126	English Pronunciation	2	30	30	0
TA70102	Introduction to linguistics	2	30	30	0
DP70004	Tiếng Việt thực hành	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	30	30	0
HỌC KỲ 2: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
TA70104	Listening - Speaking 2	3	45	45	0
TA70110	Reading - Writing 2	3	45	45	0

TA70206	Translation	3	45	45	0
TA70117	Phonetics & Phonology	2	30	30	0
CB70204	Logic	2	30	30	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	2	30	0	60
CB70411	Bơi lội*	1	30	0	30
Học phần tự chọn		**2**			
	Chọn 1 trong 2 học phần				
TA71102	American Accent Training	2	30	30	0
TA71108	Advanced English Grammar	2	30	30	0

	Chọn 2 trong 8 học phần				
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71406	Dancesport *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 4)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
TA70129	Listening - Speaking 3	4	60	60	0
TA70131	Reading – Writing 3	4	60	60	0

TA70118	Morphology	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng Giao tiếp & xây dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần) (trừ môn ngoài khung)		**4**			
TA71201	Presentation	2	30	30	0
TA71202	Public Speaking	2	30	30	0
CB71101	Môi trường và Phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
TQ70030	Basic Chinese*	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			

TA70130	Listening - Speaking 4	4	60	60	0
TA70132	Reading - Writing 4	4	60	60	0
TQ70031	Chinese 1	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**6**			
CB71104	Kinh tế xanh và PTBV	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
DP71002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30	0
TA71224	Approaches for English Teaching	4	60	60	0
TA71214	English for Business Communication	2	30	30	0
QT71045	Nguyên lý Marketing	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 6)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**12**			
TA70119	Syntax	2	30	30	0
TA70207	Interpretation	3	45	45	0
TQ70032	Chinese 2	3	45	45	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 3 học phần)		**6**			
TA71204	Teaching English Areas	3	45	45	0
TA71205	Teaching English Skills	3	45	45	0
TA71211	English for Marketing	3	45	45	0
QT71047	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11, tự chọn: 6)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**11**			
TA70120	Semantics	3	45	45	0
TA70128	British - American Civilization	3	45	45	0
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
TA71105	Intercultural Communication Studies	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**6**			
TA71225	Language Assessment	4	60	60	0
TA71206	Tâm lí học sư phạm	2	30	30	0
TA71226	English for Business Correspondence	3	45	45	0
QT71012	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	30
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**4**			
TA70208	Graduation Practicing in English Teaching	4	60	0	0
TA70209	Graduation Practicing in Business English	4	60	0	0
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
TA71228	Thesis in English Teaching	6	90	90	0
TA71229	Thesis in Business English	6	90	90	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
Định hướng Giảng dạy					
TA71230	Seminar on Innovations in TESOL	3	45	45	0
TA71217	Syllabus Design and Curriculum Development	3	45	45	0
Định hướng Thương mại					

TA71227	Seminar on English in International Trade	3	45	45	0
TA71219	English for Tourism	3	45	45	0